

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 02/JVL-TD/2026

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY TNHH CHĂN NUÔI VIỆT NHẬT.**

Địa chỉ: Số 519, Đường Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 024 3266 2888

E-mail: jvlcompany.info@vinabeef.com

Mã số doanh nghiệp: 0109752537

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **BÒ Ủ MÁT VINABEEF**

2. Thành phần: 100% Thịt bò.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 15 ngày kể từ ngày sản xuất (trong điều kiện bảo quản nhiệt độ từ 0°C – 4°C và còn nguyên bao bì gốc). Ngày sản xuất, hạn sử dụng xem trên nhãn, nhãn phụ.

STT	Mã sản phẩm
1	Thăn bò - Loin
2	Vai bò – Chuck
3	Nạm bò – Flank
4	Đùi bò – Round
5	Bắp bò – Shin Shank
6	Thịt bò Kiriotoshi

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

4.1. Quy cách đóng gói với khối lượng tịnh: 300 g, 600 g, 1000 g hoặc quy cách khác theo nhu cầu thị trường được thể hiện rõ trên bao bì sản phẩm.

4.2. Chất liệu bao bì:

- Bao bì trực tiếp: Sản phẩm được đóng gói hút chân không trong bao bì nhựa đa lớp PA/PE đảm bảo yêu cầu an toàn vệ sinh thực phẩm, tuân theo QCVN 12-1: 2011/BYT về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

- Bao bì ngoài: Sản phẩm đã có bao bì trực tiếp có thể được đóng trong thùng carton hoặc tùy theo yêu cầu của khách hàng.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Sản xuất tại: **CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH CHĂN NUÔI VIỆT NHẬT TẠI TAM ĐẢO.**

Địa chỉ: Thôn Yên Bình, Xã Tam Đảo, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam.

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn Thực phẩm số: 01/2025/SNNMT-CNTYTS cấp ngày: 06/10/2025 do Giám Đốc Sở Nông Nghiệp Và Môi Trường Tỉnh Phú Thọ cấp.



(Handwritten signature)

Số Giấy chứng nhận HACCP Codex: VN013795 cấp ngày 31/07/2025 do tổ chức chứng nhận Bureau Veritas Certification Việt Nam cấp.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-3: 2012/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.
- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- Thông tư số 24/2013/TT-BYT Quy định mức giới hạn tối đa dư lượng thuốc thú y trong thực phẩm của Bộ Y tế.
- Thông tư số 50/2016/TT-BYT Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm của Bộ Y tế.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Phủ Thọ, ngày 05 tháng 01 năm 2026

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



YOICHI HARUMOTO

37525
CÔNG
TNH
CHĂN
VIỆT
ANH PH

PHỤ LỤC
DANH MỤC CHỈ TIÊU VÀ MỨC CÔNG BỐ

(Đính kèm Bản tự công bố số 02/JVL-TD/2026)

1. Các chỉ tiêu vi sinh vật:

STT.	Chỉ tiêu	Mức công bố	Tham chiếu
1	Tổng vi sinh vật hiếu khí, cfu/g	$\leq 5 \times 10^5$	QCVN 8-3: 2012/BYT
2	E. coli, cfu/g	$\leq 5 \times 10^2$	QCVN 8-3: 2012/BYT
3	Salmonella/25 g	Không phát hiện	QCVN 8-3: 2012/BYT

2. Chỉ tiêu kí sinh trùng:

STT.	Chỉ tiêu	Mức công bố	Tham chiếu
1	Gạo bò (Cysticercus bovis)	Không phát hiện	TCVN 12429-2:2020

3. Hàm lượng kim loại nặng:

STT.	Tên chỉ tiêu	Mức công bố	Tham chiếu
1	Cadimi (Cd), mg/kg	$\leq 0,05$	QCVN 8-2:2011/BYT
2	Chì (Pb), mg/kg	$\leq 0,1$	QCVN 8-2:2011/BYT

4. Dư lượng thuốc thú y:

STT.	Tên chỉ tiêu	Mức công bố	Tham chiếu
1	Clenbuterol, $\mu\text{g}/\text{kg}$	Không phát hiện	TT 24/2013/TT-BYT
2	Dexamethasone, $\mu\text{g}/\text{kg}$	≤ 1	TT 24/2013/TT-BYT
3	Ractopamine, $\mu\text{g}/\text{kg}$	Không phát hiện	TT 24/2013/TT-BYT
4	Salbutamol, $\mu\text{g}/\text{kg}$	Không phát hiện	TT 24/2013/TT-BYT
5	Spectinomycin, $\mu\text{g}/\text{kg}$	≤ 500	TT 24/2013/TT-BYT
6	Sulfadimidine, $\mu\text{g}/\text{kg}$	≤ 100	TT 24/2013/TT-BYT

5. Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật:

STT.	Chỉ tiêu	Mức công bố	Tham chiếu
1	Diquat, mg/kg	$\leq 0,05$	TT 50/2016/TT-BYT
2	Paraquat, mg/kg	$\leq 0,005$	TT 50/2016/TT-BYT

37-C
; TY
IH
NUÔ
NHẬT
Ô H

Đính kèm Bản tự công bố số: 02/JVL-TD/2026
Ngày: 05/01/2026



 **CÔNG TY TNHH CHĂN NUÔI VIỆT NHẬT**
519 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, TP. Hà Nội, Việt Nam

MÃ SẢN PHẨM

Thành phần: 100% thịt bò
Khối lượng tịnh: g
NSX: HSD:

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản ở nhiệt độ 0°C - 4°C
Hướng dẫn sử dụng: Nấu chín, chế biến các món ăn tùy thích

Thông tin cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm hết hạn sử dụng hoặc bao bì bị hư hỏng. Bò miếng thấm nước trước khi chế biến

Sản xuất tại: CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH CHĂN NUÔI VIỆT NHẬT TẠI TAM ĐẢO

Địa chỉ: Thôn Yên Bình, xã Tam Đảo, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

Xuất xứ: Việt Nam

GIÁ BÁN LẺ:
Barcode



YOICHI HARUMOTO





KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

CÔNG TY TNHH CHĂN NUÔI VIỆT NHẬT

Số 519, Đường Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy

Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mã số PO của khách hàng : VUU72512160160-HN

Mã số mẫu : 743-2025-00252938

Mã số Eol : 005-32410-625713
Mã số mẫu do khách hàng thiết lập : MẪU 1
Tên mẫu : BÒ Ủ MẮT VINABEEF
Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong túi nilon hàn mép
Ngày nhận mẫu : 17/12/2025 Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 24/12/2025
Thời gian thử nghiệm : 17/12/2025 - 24/12/2025

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VW020 VW (a) <i>Salmonella spp.</i>	/25 g	ISO 6579-1:2017/Amd.1:2020	Không phát hiện
2	VW019 VW (a) <i>Escherichia coli</i>	cfu/ g	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)	Không phát hiện (LOD=10)
3	VW012 VW (a) Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/ g	ISO 4833-1:2013/Amd.1:2022	9.9x10 ³
4	VW073 VW (a) Cadimi (Cd)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.01)
5	VD2FN VD (a) Dexamethasone	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-11852 (Tham khảo Waters application note-720005887 EN; CLG MRM 1.08)	Không phát hiện (LOD=0.03)
6	VD2FM VD (a) Clenbuterol	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-11852 (Tham khảo Waters application note-720005887 EN; CLG MRM 1.08)	Không phát hiện (LOD=0.01)
7	VD2G0 VD (a) Ractopamin	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-11852 (Tham khảo Waters application note-720005887 EN; CLG MRM 1.08)	Không phát hiện (LOD=1)
8	VD2G1 VD Salbutamol	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-11852 (Tham khảo Waters application note-720005887 EN; CLG MRM 1.08)	Không phát hiện (LOD=2)
9	VD3AK VD (a) Diquat	mg/ kg	QuPPE-AO-Method (Version 3.2); QuPPE-PO-Method (Version 12.2)	Không phát hiện (LOD=0.003)
10	VD3AI VD (a) Paraquat	mg/ kg	QuPPE-AO-Method (Version 3.2); QuPPE-PO-Method (Version 12.2)	Không phát hiện (LOD=0.003)
11	VD4WF VD (a) Spectinomycin	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-11845 (2020) (Ref. ROC BIOTECH INC Catalog No.ROC10059: Spectinomycin ELISA test kit)	Không phát hiện (LOD=5)
12	VD37S VD Sulfadimidine	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-11852 (Tham khảo Waters application note-720005887 EN; CLG MRM 1.08)	Không phát hiện (LOD=5)



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2025-00252938

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
13	VW072 VW (a) Chì (Pb)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.017)

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Ký tên



Trần Thị Mỹ Dung
Giám Đốc Chi Nhánh Miền Bắc



Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Trần Thị Mỹ Dung 25/12/2025, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 25/12/2025.

Ghi chú giải thích

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sack Ky Hai Dang không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sack Ky Hai Dang và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sack-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/.

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sack Ky Hai Dang xây dựng.

Tất cả các phương pháp (như AOAC, phương pháp nội bộ,...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.

Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sack Ky Hai Dang.

(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.

Hà Nội, ngày 12 tháng 12 năm 2025

S257309

PHIẾU TRẢ LỜI KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM
(Kết quả chỉ có giá trị với mẫu xét nghiệm)

Kính gửi: Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật

I. Thông tin chung:

- Loài vật được lấy mẫu : Bò
- Số lượng mẫu : 01 mẫu
- Loại bệnh phẩm : Thịt
- Hình thức mẫu/KHM : NSX :20/11/2025; BÒ Ủ MÁT VINABEEF
- Ngày lấy mẫu : 12/12/2025
- Ngày nhận mẫu : 12/12/2025
- Nơi gửi mẫu : Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật
- Nơi lấy mẫu : Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật, Số 519, đường Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, TP. Hà Nội
- Tình trạng bệnh phẩm : Đạt yêu cầu xét nghiệm

II. Chỉ tiêu, phương pháp và kết quả xét nghiệm:

- Thời gian xét nghiệm: 12/12/2025

TT	Chỉ tiêu XN	Phương pháp XN	Số mẫu XN	Kết quả
1	Ấu trùng gạo bò (Taenia saginata cysticercus)	Cắt lát	01	Âm tính 01/01 mẫu

III. Kết luận:

- Ấu trùng gạo bò (Taenia saginata cysticercus) : Âm tính 01/01 mẫu./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TH.



Phùng Minh Phong

Trụ sở chính: Thôn Tân Trung Chùa, xã Nội Bài, Hà Nội. Tel: 08.666.50.669
Văn phòng giao dịch: Số 28, Ngõ 78, Giải Phóng, Đống Đa, Hà Nội. Tel: 08.666.50.166
Hotline trả kết quả: 08.6665.0255. Email: benhlykvsinhtrung@gmail.com